

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Văn.

2. Bà Nguyễn Thị Nữ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Diễm H, sinh năm 1989; cư trú tại: Số nhà B, Đường B1, Tổ B2, ấp AH, xã TA, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Hữu N, sinh năm 1982; cư trú tại: Số nhà A, đường A1, Khu phố A2, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Lê Hữu N chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian khoảng từ năm 2020 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt; ông N không lo lắng và quan tâm đến vợ con, Bà H đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông N sửa đổi, nhưng không có kết quả. Bà H nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy nên từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau; ông N đang sinh sống tại phường TA, thành phố M,

tỉnh Bình Dương còn Bà H hiện đang sinh sống tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên Bà H yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là cháu Lê Phúc Hưng T, sinh ngày 11/4/2019 và cháu Lê Phúc Tường H1, sinh ngày 22/3/2022. Từ khi ly thân đến nay các con vẫn đang trực tiếp sinh sống với Bà H tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, sau khi ly hôn, Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung; yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/1con/1 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn ông Lê Hữu N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông N được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị Diễm H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn có mặt và có ý kiến trình bày như sau: Ông N thống nhất về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung như đơn khởi kiện của Bà H. Ông đồng ý ly hôn, giao 02 con chung cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/1con/1 tháng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn bà Đỗ Thị Diễm H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 07 tháng 11 năm 2022, bà Đỗ Thị Diễm H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu N; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là cháu Lê Phúc Hưng T, sinh ngày 11/4/2019 và cháu Lê Phúc Tường H1, sinh ngày 22/3/2022; yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/1con/1 tháng nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Lê Hữu N đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Diễm H có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Lê Hữu N có mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông N chung sống với nhau từ năm 2018, ngày 16/3/2018 Bà H và ông N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa Bà H và ông N là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; do đó hôn nhân giữa Bà H và ông N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, Bà H xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; từ đầu năm 2022 cho đến nay, Bà H và ông N đã ly thân với nhau, ông N đang sinh sống tại phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương còn Bà H hiện đang sinh sống tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc, Bà H và ông N không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, về phía ông N cũng xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa nên đồng ý ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa Bà H và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của Bà H, cho Bà H được ly hôn với ông N.

[2.2]. *Về con chung*: Bà H và ông N có 02 con chung là cháu Lê Phúc Hưng T, sinh ngày 11/4/2019 và cháu Lê Phúc Tường H1, sinh ngày 22/3/2022. Sau khi ly hôn, Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Bà H đã cung cấp tài liệu chứng minh Bà H có đủ khả năng nuôi dạy các con chung; đồng thời cháu Tường H1 chưa đủ 36 tháng tuổi. Ngoài ra, sau khi sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, cháu Hưng T và cháu Tường H1 vẫn đang sinh sống cùng với Bà H. Về phía ông N cũng chấp nhận giao con chung cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao cháu Hưng T và cháu Tường H1 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà H yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/1con/1 tháng, ông N cũng đồng ý với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà H phải nộp 300.000 đồng; ông N phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đỗ Thị Diễm H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn - ông Lê Hữu N.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị Diễm H được ly hôn với ông Lê Hữu N.

1.2. *Về con chung*: Bà Đỗ Thị Diễm H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung là cháu Lê Phúc Hưng T, sinh ngày 11/4/2019 và cháu Lê Phúc Tường H1, sinh ngày 22/3/2022.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Lê Hữu N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung là cháu Lê Phúc Hưng T, sinh ngày 11/4/2019 và cháu Lê Phúc Tường H1, sinh ngày 22/3/2022, với mức cấp dưỡng một tháng cho mỗi con là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đỗ Thị Diễm H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002279 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; ông Lê Hữu N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Lê Minh Đạo